

Số: 1107 /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung, điều chỉnh lần 2 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 30/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 về ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và tài sản khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực

[The text in this image is extremely faint and illegible. It appears to be a multi-paragraph document, possibly a letter or a report, with a header section at the top and several lines of body text below. The content is too light to transcribe accurately.]

hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường và cấm mốc GPMB xây dựng công trình: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND thành phố Lai Châu về ban hành đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 17/9/2023 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

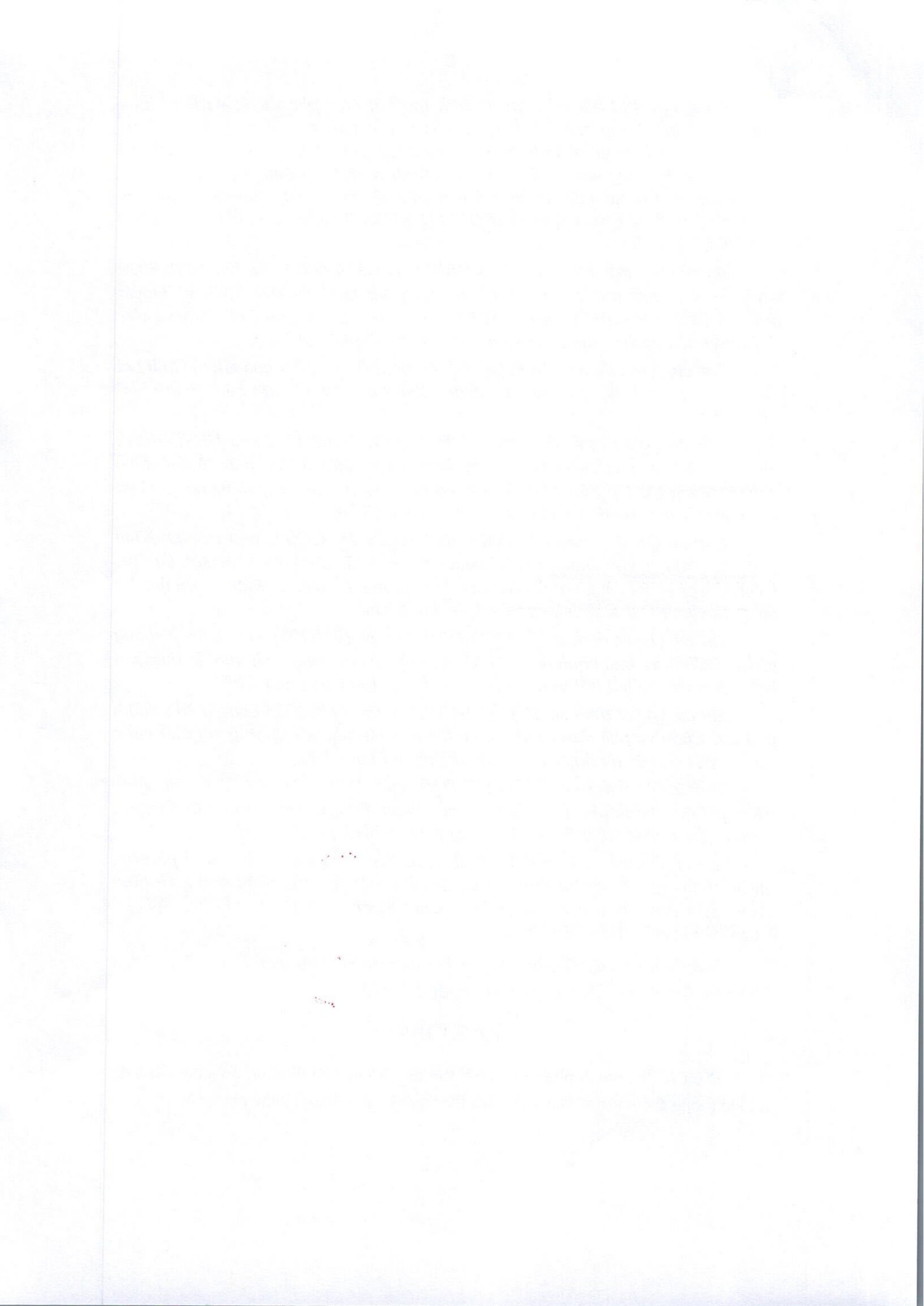
Căn cứ Tờ trình số 342/TTr-TTPTQĐ ngày 28/9/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án: Hệ thống nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Biên bản họp thẩm định trực tiếp điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu của các phòng ban chuyên môn thành phố, UBND xã San Thàng ngày 02/10/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 741/TTr-TNMT ngày 11/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 3 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:



1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **370.386.539 đồng**.
(*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi chín đồng*).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	370.386.539 đồng
+ Về đất:	75.023.340 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	-9.000.864 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	33.618.183 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	270.745.880 đồng

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

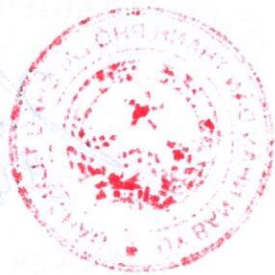
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

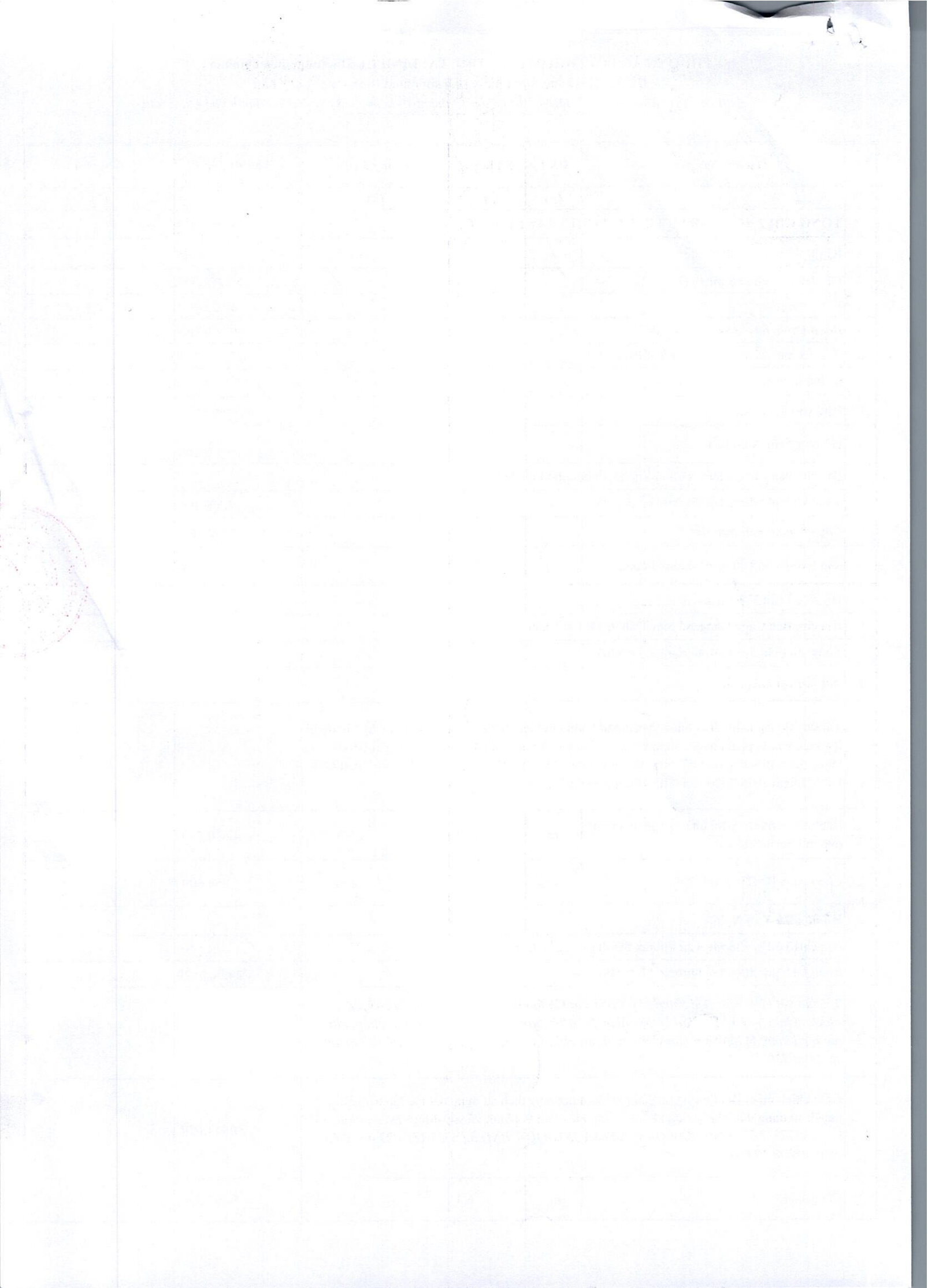


PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ' (bổ sung, điều chỉnh lần 2)

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 1107/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

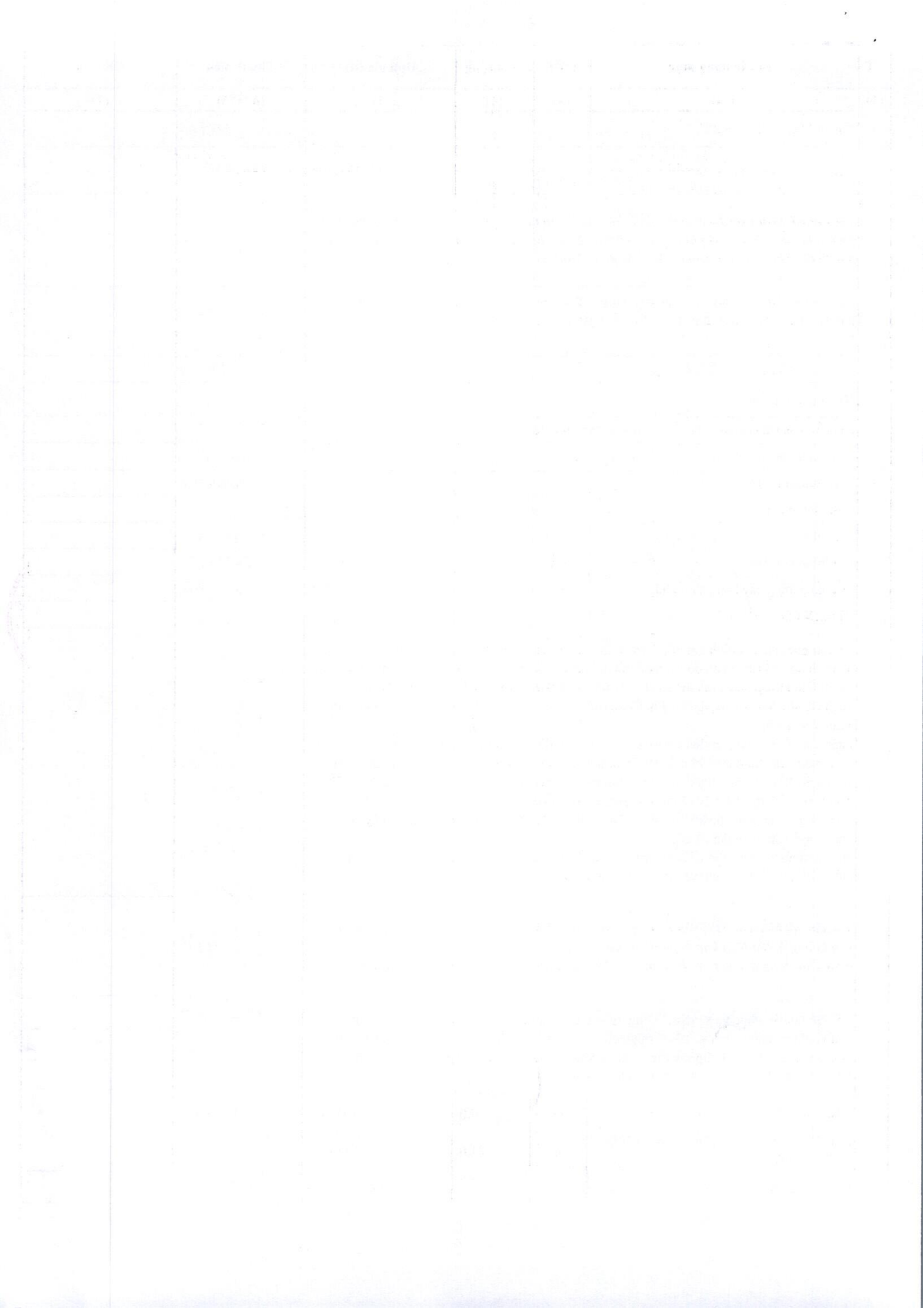
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
	TỔNG CHI PHÍ CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI CHI TRẢ= (A+B + C)				370.386.539	
A	Kinh phí tổ chức thực hiện				0	
B	Chi trả cho chủ sở hữu =(B1+B2)				789.292.993	
a	<i>Bồi thường về đất</i>				75.023.340	
b	<i>Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, VKT</i>				-9.000.864	
c	<i>Bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu</i>				33.618.183	
d	<i>Chính sách hỗ trợ</i>				270.745.880	
B1	Phê duyệt bổ sung				470.501.712	
1	Hộ ông Trần Văn Kết					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				2.592.000	
a	<i>Cây cối hoa màu trên đất</i>				2.592.000	
1	Sản lượng ngô 600 m ² *5.4 tấn/ha/năm	kg	324,0	8.000	2.592.000	
2	Hộ ông Trần Văn Mìn					
	Địa chỉ: Bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, TP Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				5.484.600	
a	<i>Tài sản vật kiến trúc</i>				5.484.600	
	Tài sản tạo lập năm 2013 phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Rãnh thoát nước ngoài nhà xây gạch không nắp trát hoàn chỉnh	m	40,0	115.500	4.620.000	
2	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	6,0	144.100	864.600	
3	Hộ ông Vũ Văn Nghĩa					
	Địa chỉ: Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				24.064.620	
a	<i>Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do bà Trần Thị Cù tạo lập năm 2014, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn Nghĩa năm 2020 sử dụng ổn định không tranh chấp, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất.</i>					
	Điều chỉnh mục: Bồi thường tài sản tạo lập đúng mục đích sử dụng đất tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng (Điều chỉnh một số hạng mục hỗ trợ 50% theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 nay điều chỉnh thành 100%)					
1	Cống sắt (3*2,1)	m ²	6,3	825.000	5.197.500	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
2	Hàng rào khung thép lưới B40 (8*1,8)	m ²	14,4	123.200	1.774.080	
3	Hàng rào khung thép lưới B40 (32*1,8)	m ²	57,6	123.200	7.096.320	
4	Ống thép mã kẽm Φ 60 dày 1,4ly (6m*10 cọc)	m	60,0	34.612	2.076.720	
5	Khối lượng phá đá bằng máy (tính bằng đào đắp đất thủ công) (32*2*1,5)	m ³	96,0	82.500	7.920.000	
4	Hộ ông Chảo Văn Tạng					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				4.320.300	
<i>a</i>	<i>Cây cối hoa màu trên đất</i>					
1	Sản lượng ngô 900m ² *5,4 tấn/ha/năm	kg	486,0	8.000	3.888.000	
<i>b</i>	<i>Tài sản vật kiến trúc</i>					
	Tài sản tạo lập năm 2018 phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	3,0	144.100	432.300	
5	Hộ ông Vàng Văn Lý					
	Địa chỉ: Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				3.024.000	
<i>a</i>	<i>Cây cối hoa màu trên đất</i>					
1	Sản lượng ngô 700m ² *5,4 tấn/ha/năm	kg	378,0	8.000	3.024.000	
6	Hộ ông Vàng Văn Ke					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				24.915.541	
<i>a</i>	<i>Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do ông Vàng Văn Ke tạo lập năm 2018. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.</i>				23.619.541	
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	7,0	144.100	1.008.700	
2	Kè đá xây (1,5*0,5*35) kè suối	m ³	26,3	392.700	10.308.375	
3	Ao đào không phân biệt đất cấp (0,6*351,7m ²) (bổ sung ao sâu 2m đã phê duyệt 1,4m tại Quyết định 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022)	m ³	211,0	58.300	12.302.466	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
b	Cây cối hoa màu trên đất				1.296.000	
1	Sản lượng ngô 300m ² *5,4 tấn/ha/năm	kg	162,0	8.000	1.296.000	
7	Hộ ông Vàng Văn Lịch					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					11.425.125
a	Cây cối hoa màu trên đất				5.184.000	
1	Sản lượng ngô 1200m ² *5,4 tấn/ha/năm	kg	648,0	8.000	5.184.000	
b	Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do ông Vàng Văn Lịch tạo lập năm 2013. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.					6.241.125
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Kè đá xây (1,7*0,5*25)	m ³	21,3	293.700	6.241.125	
8	Hộ ông Vui Văn Pờ					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					6.480.000
a	Cây cối hoa màu trên đất				6.480.000	
1	Sản lượng ngô 1500m ² * 5,4tấn/ha/năm	kg	810,0	8.000	6.480.000	
9	Hộ bà Vàng Thị Vát					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					3.888.000
a	Cây cối hoa màu trên đất				3.888.000	
1	Sản lượng ngô 900m ² *5,4 tấn/ha/năm	kg	486,0	8.000	3.888.000	
10	Hộ ông Tàn Văn Bằng					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)					1.152.800
a	Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do ông Tàn Văn Bằng tạo lập năm 2017. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.					1.152.800
	Tài sản tạo lập năm 2017 bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	8,0	144.100	1.152.800	
11	Hộ ông Vàng Văn Xuân					
	Địa chỉ: bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a +b)					1.546.644

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
a	Cây cối hoa màu trên đất				826.144	
1	Cây Đào bán kính từ 1-2 m	Cây	2,0	413.072	826.144	
b	Tài sản vật kiến trúc Tài sản do gia đình ông Xuân tạo lập năm 2009. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				720.500	
	Tài sản tạo lập năm 2009 bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu					
1	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	5	144.100	720.500	
12	Hộ ông Trần Văn Tinh					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thành, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				188.701.140	
a	Bồi thường về đất				38.060.880	
1	Diện tích thu hồi	m ²	984,0			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	880,8	38.900	34.263.120	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ³	103,2	36.800	3.797.760	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình thu hồi đất với tổng diện tích đất 984m² tại thửa đất số 547, tờ bản đồ trích đo 133 (theo bản đồ trích đo thu hồi đất). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số: 1, 39, 40, 41 tờ BĐ số 133 đã được cấp GCN số phát hành BC467263 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) ngày 12/5/2012 cho ông Trần Văn Tinh.</p> <p>Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 94 tờ bản đồ số 133 loại đất DTL; thửa đất số 639 tờ bản đồ 128 loại đất SON do UBND xã San Thành quản lý và chồng lấn thửa đất số 640 tờ bản đồ 128 của hộ ông Vàng Văn Phương. Nguyên nhân là do sai số trong các lần đo đạc, bản đồ đo đạc năm 2013 được số hóa từ bản đồ địa chính năm 1998, bản đồ đo đạc chưa chính xác, gia đình không lấn chiếm sử dụng đất, đất có nguồn gốc như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.</p> <p>Đất sử dụng với mục đích đất trồng lúa 1 vụ (880,8m²) và đất bằng trồng cây hàng năm khác (103,2m²). Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do ông Trần Văn Tinh tạo lập năm 2002. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				2.194.500	
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu					
1	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	9,0	144.100	1.296.900	
2	Đào đắp đất bằng máy phạm vi dưới 50m (1,7*1,2*40)	m ³	81,6	11.000	897.600	
c	Chính sách hỗ trợ				148.445.760	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND T. Lai Châu	đồng/m ²	880,8	155.600	137.052.480	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND T. Lai Châu	đồng/m ²	103,2	110.400	11.393.280	
13	Hộ ông Vàng Văn Phương.					
	Địa chỉ: Bản Cẳng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)					6.574.100
a	Bồi thường về đất					1.314.820
1	Diện tích thu hồi	m ²	33,8			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	33,8	38.900	1.314.820	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình bị thu hồi đất với tổng diện tích 33,8 m² thuộc thửa đất số 640 tờ bản đồ 133 (Theo bản đồ trích đo thu hồi). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 640 tờ BĐ số 128 đã được cấp GCN số phát hành BC467228 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 05/12/2012 cho ông Vàng Văn Phương và bà Hoàng Thị Tén.</p> <p>Phần diện tích đất thu hồi chồng lấn lên thửa đất số 639 tờ bản đồ 128 đất SON do UBND xã San Thàng quản lý. Nguyên nhân là do sai số trong các lần đo đạc, bản đồ đo đạc năm 2013 được số hóa từ bản đồ địa chính năm 1998, bản đồ đo đạc chưa chính xác, gia đình không lấn chiếm sử dụng đất, đất có nguồn gốc do gia đình ông Vàng Văn Phương khai hoang trước năm 1993.</p> <p>Đất sử dụng với mục đích đất trồng lúa 1 vụ. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Chính sách hỗ trợ					5.259.280
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	33,8	155.600	5.259.280	
14	Hộ bà Kiều Thị Tới.					
	Địa chỉ: Xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					32.437.742
a	Bồi thường về đất					5.729.970
1	Diện tích thu hồi	m ²	147,3			
2	Loại đất					
	Đất trồng cây lâu năm (điều chỉnh, bổ sung)	m ²	147,3	38.900	5.729.970	
	Vị trí (VT1)					



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình bị thu hồi đất với tổng diện tích đất 147,3 m² tại thửa đất số 1102, tờ bản đồ trích đo 134 (theo bản đồ trích đo thu hồi đất). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi chồng lấn thửa đất số 140, tờ BĐ số 129 đất SON do UBND xã quản lý. Nguyên nhân là do sai số trong các lần đo đạc, bản đồ đo đạc năm 2013 được số hóa từ bản đồ địa chính năm 1998, bản đồ đo đạc chưa chính xác, gia đình không lấn chiếm sử dụng đất, đất có nguồn gốc như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.</p> <p>Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
b	<p>Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do ông Nguyễn Đức Thành tạo lập năm 2017. Đến ngày 10/1/2020 ông Nguyễn Đức Thành đã chuyển nhượng bà Kiều Thị Tới. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án.</p>				7.452.500	
	<p><i>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp tránh nước lũ, dùng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i></p>					
1	Kè xây đá (5*2*0,5)	m ³	5,0	293.700	1.468.500	
2	Đất đắp bờ suối (tính bằng đắp đất bằng máy trong phạm vi 50 m) (68*2*4)(nằm trong phần diện tích thu hồi lần 1 và thu hồi bổ sung)	m ³	544,0	11.000	5.984.000	
c	Cây cối hoa màu trên đất				2.065.362	
1	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	5,0	413.072	2.065.362	
d	Chính sách hỗ trợ				17.189.910	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	147,3	116.700	17.189.910	
15	Hộ ông Vàng Văn Mìn					
	Địa chỉ: Bản Cốc Pa, Xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				153.895.100	
a	Bồi thường về đất				30.859.370	
1	Diện tích thu hồi	m ²	793,3			
2	Loại đất					
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	107,5	38.900	4.181.750	
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	685,8	38.900	26.677.620	
	Vị trí (VT1)					

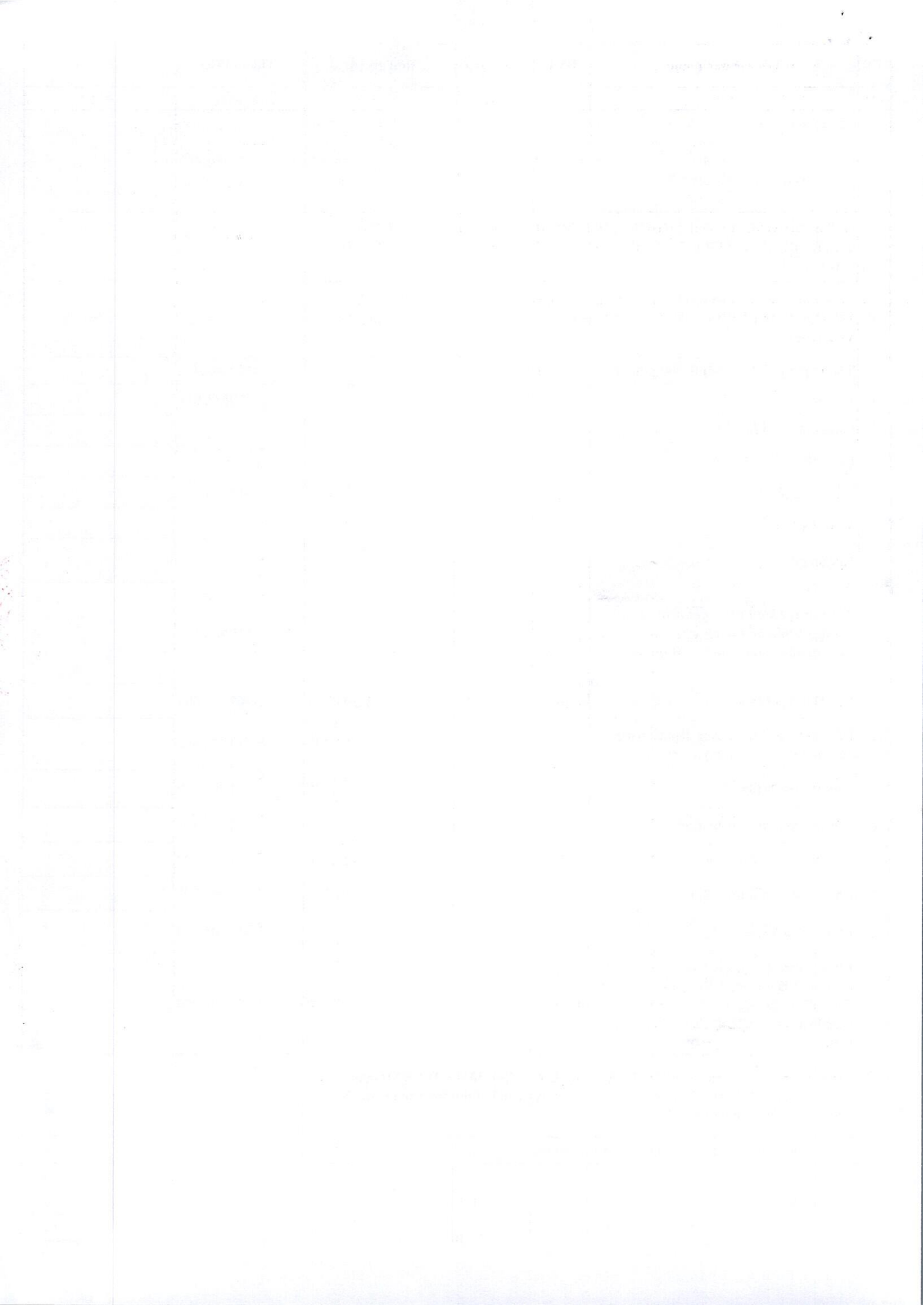
Date	Description	Debit	Credit	Balance
1911				
Jan 1	Balance forward			
Jan 15	Jan 15			
Jan 20	Jan 20			
Jan 25	Jan 25			
Jan 30	Jan 30			
Feb 5	Feb 5			
Feb 10	Feb 10			
Feb 15	Feb 15			
Feb 20	Feb 20			
Feb 25	Feb 25			
Feb 30	Feb 30			
Mar 5	Mar 5			
Mar 10	Mar 10			
Mar 15	Mar 15			
Mar 20	Mar 20			
Mar 25	Mar 25			
Mar 30	Mar 30			
Apr 5	Apr 5			
Apr 10	Apr 10			
Apr 15	Apr 15			
Apr 20	Apr 20			
Apr 25	Apr 25			
Apr 30	Apr 30			
May 5	May 5			
May 10	May 10			
May 15	May 15			
May 20	May 20			
May 25	May 25			
May 30	May 30			
Jun 5	Jun 5			
Jun 10	Jun 10			
Jun 15	Jun 15			
Jun 20	Jun 20			
Jun 25	Jun 25			
Jun 30	Jun 30			
Jul 5	Jul 5			
Jul 10	Jul 10			
Jul 15	Jul 15			
Jul 20	Jul 20			
Jul 25	Jul 25			
Jul 30	Jul 30			
Aug 5	Aug 5			
Aug 10	Aug 10			
Aug 15	Aug 15			
Aug 20	Aug 20			
Aug 25	Aug 25			
Aug 30	Aug 30			
Sep 5	Sep 5			
Sep 10	Sep 10			
Sep 15	Sep 15			
Sep 20	Sep 20			
Sep 25	Sep 25			
Sep 30	Sep 30			
Oct 5	Oct 5			
Oct 10	Oct 10			
Oct 15	Oct 15			
Oct 20	Oct 20			
Oct 25	Oct 25			
Oct 30	Oct 30			
Nov 5	Nov 5			
Nov 10	Nov 10			
Nov 15	Nov 15			
Nov 20	Nov 20			
Nov 25	Nov 25			
Nov 30	Nov 30			
Dec 5	Dec 5			
Dec 10	Dec 10			
Dec 15	Dec 15			
Dec 20	Dec 20			
Dec 25	Dec 25			
Dec 30	Dec 30			
Total	Total			

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình bị thu hồi đất với tổng diện tích thu hồi 793,3 m² gồm các thửa đất 90, 91; tờ BĐ số 142 (theo BĐ trích đo thu hồi). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 9; số 10 tờ bản đồ số 2, xã Bản Giang, Huyện Tam Đường đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số phát hành BR728979 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 07/11/2016 mang tên hộ gia đình ông Vàng Văn Mìn.</p> <p>Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất 412 tờ bản đồ số 134 loại đất SON do UBND xã San Thàng Quản lý. Nguyên nhân là do sai số trong các lần đo đạc, bản đồ đo đạc năm 2013 được số hóa từ bản đồ địa chính năm 1998, bản đồ đo đạc chưa chính xác, gia đình không lấn chiếm sử dụng đất, đất có nguồn gốc như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.</p> <p>Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Cây cối hoa màu trên đất				3.780.000	
1	Cây tre D = 5-10 cm	Cây	30,0	30.000	900.000	
2	Cây tre D>10cm	Cây	60,0	48.000	2.880.000	
c	Chính sách hỗ trợ				119.255.730	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	107,5	116.700	12.545.250	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	685,8	155.600	106.710.480	
B2	Phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định tại Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu				318.791.281	
16	Lù Văn Toàn (Điều chỉnh Mục 29 từ chưa rõ chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố)					
	Địa chỉ: Tổ 12, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				171.597.192	
a	Về đất				15.638.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	446,8			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	446,8	35.000	15.638.000	
	Vị trí (VT1)					

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình thu hồi đất với tổng diện tích đất 446,8m² tại thửa đất số 595, tờ bản đồ trích đo 129 (theo bản đồ trích đo thu hồi đất). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 439; 440; 513 tờ BĐ số 129 có nguồn gốc do ông Trần Văn Và khai hoang sử dụng trước năm 1993 đến năm 2000 chuyển nhượng cho ông Lù Văn Toàn, chuyển nhượng không có giấy tờ. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>Phần diện tích chồng lấn đất thuộc thửa đất số 140 tờ bản đồ 129 xã San Thành loại đất SON do UBND xã quản lý. Nguyên nhân là do sai số trong các lần đo đạc, bản đồ đo đạc năm 2013 được số hóa từ bản đồ địa chính năm 1998, bản đồ đo đạc chưa chính xác, gia đình không lấn chiếm sử dụng đất, đất có nguồn gốc do ông Trần Văn Và khai hoang sử dụng trước năm 1993, đến năm 2000 chuyển nhượng cho ông Lù Văn Toàn.</p> <p>Mục đích sử dụng: Đất bằng trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
b	<p>Tài sản vật kiến trúc: Tài sản do gia đình ông Lù Văn Toàn tạo lập năm 2020, phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch dự án Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu.</p>				107.071.800	
1	Kè bê tông DMAX 200 (1*4*13) (trong đó 10m trong thu hồi, 3m bị ảnh hưởng)	m ³	52,0	947.100	49.249.200	
2	Bóc tách từ kè rọ đá					
	Kè đá xếp khan (2m ³ /rọ)*41 rọ	m ³	82,0	141.900	11.635.800	
	Rọ đá tính bằng khung thép lưới b40 (8m ² /rọ)*41 rọ	m ³	328,0	123.200	40.409.600	
3	Đất đắp bờ suối (tính bằng đắp đất bằng máy trong phạm vi 50 m) (26*4*4)	m ³	416,0	11.000	4.576.000	
4	Hàng rào lưới B40 (1,2*10)	m ²	12,0	100.100	1.201.200	
c	Cây cối hoa màu trên đất				1.973.392	
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	42,0	24.393	1.024.506	
2	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	22,0	21.313	468.886	
3	Cỏ voi	m ²	100,0	4.800	480.000	
d	Chính sách hỗ trợ				46.914.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	446,8	105.000	46.914.000	
17	Hộ bà Phan Thị Máy (Điều chỉnh Mục 28 từ chưa rõ chủ sử dụng đất tại Quyết định số: 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố)					
	Địa chỉ: Bàn Tà làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				18.074.500	
a	Về đất				3.614.900	
1	Diện tích thu hồi	m ²	97,7			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	97,78	37.000	3.614.900	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình thu hồi đất với tổng diện tích đất 97,7m² tại thửa đất số 670; 678, tờ bản đồ trích đo 134 (theo bản đồ trích đo thu hồi đất). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số: 585; 586 tờ BĐ số 134 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số phát hành BM089214 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên bà Phan Thị Máy.</p> <p>Đất sử dụng với mục đích đất trồng lúa 1 vụ, đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Chính sách hỗ trợ				14.459.600	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	97,7	148.000	14.459.600	
18	Hộ ông Xã Văn Tế (Điều chỉnh Mục 28 từ chưa rõ chủ sử dụng đất tại Quyết định số: 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 UBND thành phố)					
	Địa chỉ: Bản Căng Đẳng xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					129.119.589
a	Về đất				24.198.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	654,0			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	654,0	37.000	24.198.000	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Hộ gia đình thu hồi đất với tổng diện tích đất 654m² tại thửa đất số 671; 677, tờ bản đồ trích đo 134 (theo bản đồ trích đo thu hồi đất). Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số: 583; 584 tờ BĐ số 134 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM089213 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 cho ông Xã Văn Tế.</p> <p>Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa 1 vụ. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc (Tài sản do gia đình Xã Văn Tế tạo lập năm 2020, phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo lập đúng mục đích sử dụng đất. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.)					6.838.304
1	Kè đá xây (3,4*1,1*0,5)	m ³	1,9	392.700	734.349	
2	Kè đá xếp khan (30*1,1*0,6)	m ³	19,8	141.900	2.809.620	
3	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	20,0	144.100	2.882.000	
4	Kè đá xây (0,3*0,5*7)	m ³	1,1	392.700	412.335	
c	Cây cối hoa màu trên đất				1.291.285	
1	Cây tre d= 5-10 cm	Cây	30,0	30.000	900.000	
2	Cây lấy gỗ d= 5-10 cm tính bằng cây xoan trồng từ trên 2 năm đến năm thứ 3	Cây	5,0	35.057	175.285	
3	Hàng rào cây sống	m	30,0	7.200	216.000	
d	Chính sách hỗ trợ				96.792.000	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	654,0	148.000	96.792.000	
C	GIẢM PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2331/QĐ-UBND NGÀY 25/11/2022 CỦA UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU				-418.906.454	
1	Truy thu mục 29 Chưa rõ chủ sử dụng đất tại Quyết định 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu nay quy chủ bồi thường cho hộ ông Lù Văn Toàn					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				-257.083.200	
a	Về đất				-16.531.600	
1	Diện tích thu hồi	m ²	446,8			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	446,8	-37.000	-16.531.600	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc:					
b	Tài sản vật kiến trúc tạm tính tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất và tạo lập đúng mục đích sử dụng đất				-173.021.200	
1	Kè BTCT (1*4*30)	m ³	120,0	-1.393.700	-167.244.000	
2	Đất đắp bờ suối (tính bằng đắp đất bằng máy trong phạm vi 50 m) (26*4*4)	m ³	416,0	-11.000	-4.576.000	
3	Lưới B40 (1,2*10)	m ²	12,0	-100.100	-1.201.200	
c	Cây cối hoa màu trên đất				-1.404.000	
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	42,0	-24.000	-1.008.000	
2	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	22,0	-18.000	-396.000	
d	Chính sách hỗ trợ				-66.126.400	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	446,8	-148.000	-66.126.400	
2	Truy thu mục 28 Chưa rõ chủ sử dụng đất tại Quyết định 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu nay quy chủ bồi thường cho hộ ông Xã Văn Tề và gia đình bà Phan Thị Máy.					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				-147.409.304	
a	Về đất				-27.861.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	753,0			
2	Loại đất					



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	753,0	-37.000	-27.861.000	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc:					
b	Tài sản vật kiến trúc tạm tính tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất và tạo lập đúng mục đích sử dụng đất				-6.838.304	
1	Kè đá xây (3,4*1,1*0,5)	m ³	1,9	-392.700	-734.349	
2	Kè đá xếp khan (30*1,1*0,6)	m ³	19,8	-141.900	-2.809.620	
3	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	20,0	-144.100	-2.882.000	
4	Kè đá xây (0,3*0,5*7)	m ³	1,1	-392.700	-412.335	
c	Cây cối hoa màu trên đất				-1.266.000	
1	Cây tre d= 5-10 cm	Cây	30,0	-30.000	-900.000	
2	Cây lầy gỗ d= 5-10 cm	Cây	5,0	-30.000	-150.000	
3	Hàng rào cây sống	m	30,0	-7.200	-216.000	
d	Chính sách hỗ trợ				-111.444.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	753,0	-148.000	-111.444.000	
3	Truy thu một số hạng mục đã hỗ trợ 50% của hộ ông Vũ Văn Nghĩa về tài sản vật kiến trúc tại Quyết định 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu (số thứ tự 27 tại mục 2,3,5,6,7 phần b tài sản vật kiến trúc) nay điều chỉnh bồi thường thành 100%.				-14.413.950	
b	Tài sản vật kiến trúc: Toàn bộ tài sản do bà Trần Thị Cù tạo lập năm 2014, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn Nghĩa năm 2020 sử dụng ổn định không tranh chấp, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất.					
2	Cống sắt (3*2,1)	m ²	6,3	-412.500	-2.598.750	
3	Hàng rào khung thép lưới B40 (8*1,8)	m ²	14,4	-61.600	-887.040	
5	Hàng rào khung thép lưới B40 (32*1,8)	m²	57,6	-61.600	-3.548.160	
6	Ống thép mã kẽm Φ 60 (6m*10 cọc)	m	60,0	-57.000	-3.420.000	
7	Khối lượng phá đá bằng máy (tính bằng đào đắp đất thủ công) (32*2*1,5)	m³	96,0	-41.250	-3.960.000	

